



XÂY DỰNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ CẦU LÔNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

BUILDING CRITERIA FOR EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF THE BADMINTON CLUB MODEL OF THE FORESTRY UNIVERSITY

TÓM TẮT: Quá trình nghiên cứu đã lựa chọn được 17 tiêu chí đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình câu lạc bộ cầu lông Trường Đại học Lâm nghiệp. Sau một năm học ứng dụng mô hình đã xây dựng vào phong trào tập luyện Cầu lông trong nhà trường đã phát triển mạnh mẽ; sinh viên và huấn luyện viên, hướng dẫn viên rất hài lòng khi tham gia hoạt động ngoại khóa môn Cầu lông dưới hình thức câu lạc bộ. Như vậy, các mô hình đã xây dựng đã có hiệu quả cao trong việc phát triển phong trào tập luyện Cầu lông trong nhà trường cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội trong hoạt động ngoại khóa môn Cầu lông.

TỪ KHÓA: mô hình, câu lạc bộ Cầu lông, sinh viên, Trường Đại học Lâm nghiệp.

ABSTRACT: The research process has selected 17 criteria to evaluate the effectiveness of the application of the badminton club model at the University of Forestry. After a year of applying the model, the badminton training movement in the school has developed strongly; students, coaches and instructors are very satisfied when participating in extracurricular activities of badminton in the form of a club. Thus, the built models have been highly effective in developing the badminton training movement in the school as well as meeting the social needs in extracurricular activities of badminton.

KEYWORDS: Model, Badminton club, students, Forestry university.

ĐÀO TRỌNG QUYNH

Trường Đại học Lâm nghiệp

LÊ NGỌC VINH

Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

ĐÀO TRỌNG QUYNH

Forestry University

LE NGOC VINH

Hanoi University of Physical Education and Sports

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, xu hướng tổ chức hoạt động tập luyện thi đấu thể thao theo hình thức câu lạc bộ không chỉ phổ biến trong xã hội mà còn phát triển trong các chương trình đại học, cao đẳng. Hình thức phát triển của các câu lạc bộ diễn ra mạnh mẽ như Bóng rổ, Bóng đá, Cờ vua, Cầu lông... trong đó, câu lạc bộ Cầu lông tại các trường đại học, cao đẳng đã thu hút đông đảo sinh viên (SV) tham gia. Nhưng thực tiễn cho thấy các phong trào ngoại khóa diễn ra còn mang tính tự phát, chưa được tổ chức chặt chẽ và khoa học

nên chất lượng chưa cao. Hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao nói chung và câu lạc bộ Cầu lông nói riêng chưa được nghiên cứu và đánh giá hiệu quả về công tác tổ chức, quản lý cũng như chưa có các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá trình độ của người tập. Xuất phát từ những lý do nêu trên, với mục đích phát triển phong trào tập luyện môn Cầu lông của Trường Đại học Lâm nghiệp, cũng như nâng cao sức khỏe thể lực cho SV trong các nhà trường, việc tiến hành nghiên cứu: Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả mô hình câu lạc bộ Cầu lông cho SV các

Trường Đại học Lâm nghiệp là cần thiết thực hiện.

Phương pháp nghiên cứu:

Trong quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phỏng vấn, kiểm tra tư phạm, thực nghiệm tư phạm và toán học thống kê.

Khách thể nghiên cứu:

+ Khách thể phỏng vấn: 30 chuyên gia Giáo dục thể chất, chuyên gia Cầu lông và cán bộ Quản lý Thể dục thể thao ở trong và ngoài Trường Đại học Lâm nghiệp.

+ Khách thể thực nghiệm: 92 thành viên câu lạc bộ Cầu lông thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp.

2.KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Lựa chọn tiêu chí đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình câu lạc bộ Cầu lông cho sinh viên Trường Đại học Lâm nghiệp

Để lựa chọn được những tiêu chí đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình câu lạc bộ Cầu lông cho SV các Trường Đại học Lâm nghiệp, tiến hành lựa chọn tiêu chí đánh giá thông qua tham khảo tài liệu và phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia Quản lý Thể dục thể thao, chuyên gia Giáo dục thể chất và chuyên gia môn Cầu lông.

Để lựa chọn được những tiêu chí phù hợp nhất trong đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình câu lạc bộ Cầu lông cho SV Trường Đại học Lâm nghiệp, chúng tôi tiến hành phỏng vấn các chuyên gia Giáo dục thể chất, chuyên gia Cầu lông và cán bộ Quản lý Thể dục thể thao. Phỏng vấn được tiến hành theo thang độ

liket 5 mức tương ứng.

Nghiên cứu sẽ lựa chọn những tiêu chí có điểm phỏng vấn trung bình đạt từ 3.41 điểm trở lên (từ mức cần thiết trở lên) để đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình câu lạc bộ Cầu lông đã xây dựng cho SV Trường Đại học Lâm nghiệp. Kết quả trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 đã lựa chọn được 5 tiêu chí thuộc nhóm mức độ đáp ứng phong trào tập luyện Cầu lông tại trường và 12 tiêu chí thuộc nhóm mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của mô hình đã xây dựng để đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình câu lạc bộ Cầu lông cho SV Trường Đại học Lâm nghiệp. Cụ thể gồm:

(1). *Mức độ phát triển phong trào tập luyện Cầu lông tại trường*

- Số lượng thành viên trong các câu lạc bộ
- Số giải thi đấu giao hữu được tổ chức trong năm
- Số lượng SV tham gia các giải giao hữu trong năm
- Số lượng các giải Cầu lông chính thức đã tham gia trong năm
- Số lượng SV tham gia các giải chính thức trong năm

(2). *Mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của mô hình đã xây dựng*

- Nhận xét chung về hoạt động câu lạc bộ Cầu lông tại trường
- Mức độ đáp ứng nhu cầu được vận động, vui chơi lành mạnh, phát triển thể chất
- Thuận tiện cho cán bộ, giáo viên và SV tham gia tập luyện
- Chương trình tập luyện phù hợp với đối tượng người tập
- Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện đảm bảo nhu cầu
- Thành viên câu lạc bộ có

quyền lợi và nghĩa vụ rõ ràng, minh bạch, phù hợp

- Mô hình hoạt động giúp thành viên câu lạc bộ giao lưu tốt với nhau và với các câu lạc bộ khác

- Đáp ứng nhu cầu hoạt động tập thể của thành viên câu lạc bộ

- Sinh viên nhận được sự tôn trọng của huấn luyện viên,

hướng dẫn viên và các thành viên khác trong câu lạc bộ

- Giúp phát hiện và bồi dưỡng thành viên có năng khiếu.

- Mức độ phát triển thể lực của người tập

- Mức độ phát triển trình độ chuyên môn của người tập.

Các tiêu chí còn lại vì có điểm trung bình phỏng vấn nhỏ hơn 3.41 điểm nên bị loại.

Qua phỏng vấn, nghiên cứu đã lựa chọn được 17 tiêu chí thuộc 2 nhóm tiêu chí để đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình câu lạc bộ đã xây dựng cho SV Trường Đại học Lâm nghiệp.

2.2. Đánh giá hiệu quả quá trình thực nghiệm

2.2.1. Tổ chức thực nghiệm

Để có cơ sở đánh giá hiệu quả mô hình câu lạc bộ Cầu lông đã xây dựng cho sinh viên Trường Đại học Lâm nghiệp, tiến hành thực nghiệm ứng dụng các mô hình lựa chọn trong thực tế và đánh giá hiệu quả.

Phương pháp thực nghiệm: Sử dụng phương pháp thực nghiệm tự đối chiếu.

Thời gian thực nghiệm: 12 tháng, từ tháng 6/2022 tới tháng 6/2023.

Địa điểm thực nghiệm: Thực nghiệm được tiến hành tại Trường Đại học Lâm nghiệp.

**BẢNG 1. KẾT QUẢ PHÒNG VẤN LỰA CHỌN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ CẦU LÔNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP (n=30)**

| TT | TIÊU CHÍ | KẾT QUẢ PHÒNG VẤN | | | | | TỔNG ĐIỂM | ĐIỂM TB |
|---|---|-------------------|----|---|---|-----|-----------|---------|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 | | |
| Mức độ phát triển phong trào tập luyện Cầu lông tại trường | | | | | | | | |
| 1 | Số lượng câu lạc bộ Cầu lông tại trường | 11 | 6 | 7 | 4 | 2 | 110 | 3.67 |
| 2 | Số lượng thành viên trong các câu lạc bộ | 20 | 7 | 3 | 0 | 0 | 137 | 4.57 |
| 3 | Số giải thi đấu giao hữu được tổ chức trong năm | 18 | 8 | 3 | 1 | 0 | 133 | 4.43 |
| 4 | Số lượng SV tham gia các giải giao hữu trong năm | 21 | 9 | 0 | 0 | 0 | 141 | 4.70 |
| 5 | Số lượng các giải Cầu lông chính thức đã tham gia trong năm | 16 | 7 | 7 | 0 | 0 | 129 | 4.30 |
| 6 | Số lượng SV tham gia các giải chính thức trong năm | 15 | 9 | 6 | 0 | 0 | 129 | 4.30 |
| 7 | Thành tích đạt được trong các giải thi đấu chính thức trong năm | 11 | 6 | 7 | 4 | 2 | 110 | 3.67 |
| Mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của mô hình đã xây dựng | | | | | | | | |
| 1 | Nhận xét chung về hoạt động câu lạc bộ Cầu lông tại trường | 23 | 7 | 0 | 0 | 0 | 143 | 4.77 |
| 2 | Mức độ đáp ứng nhu cầu được vận động, vui chơi lành mạnh, phát triển thể chất | 13 | 8 | 7 | 2 | 0 | 122 | 4.07 |
| 3 | Thuận tiện cho cán bộ, giáo viên và SV tham gia tập luyện | 21 | 6 | 3 | 0 | 0 | 138 | 4.60 |
| 4 | Chương trình tập luyện phù hợp với đối tượng người tập | 20 | 8 | 2 | 0 | 0 | 138 | 4.60 |
| 5 | Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện đảm bảo nhu cầu | 15 | 6 | 5 | 3 | 1 | 121 | 4.03 |
| 6 | Thành viên câu lạc bộ có quyền lợi và nghĩa vụ rõ ràng, minh bạch, phù hợp | 16 | 7 | 4 | 3 | 0 | 126 | 4.20 |
| 7 | Thành viên câu lạc bộ được trang bị các kiến thức về tập luyện an toàn, phòng tránh chấn thương và tự tập luyện | 12 | 4 | 3 | 6 | 5 | 102 | 3.40 |
| 8 | Mô hình hoạt động giúp thành viên câu lạc bộ giao lưu tốt với nhau và với các Câu lạc bộ khác | 17 | 8 | 3 | 2 | 0 | 130 | 4.33 |
| 9 | Đáp ứng nhu cầu hoạt động tập thể của thành viên câu lạc bộ | 17 | 8 | 2 | 3 | 0 | 129 | 4.30 |
| 10 | Sinh viên nhận được sự tôn trọng của Huấn luyện viên, hướng dẫn viên và các thành viên khác trong câu lạc bộ | 20 | 10 | 0 | 0 | 0 | 140 | 4.67 |
| 11 | Giúp phát hiện và bồi dưỡng thành viên có năng khiếu | 23 | 6 | 1 | 0 | 0 | 142 | 4.73 |
| 12 | Mức độ phát triển thể lực của người tập | 20 | 8 | 2 | 0 | 0 | 138 | 4.60 |
| 13 | Mức độ phát triển trình độ chuyên môn của người tập | 20 | 8 | 2 | 0 | 0 | 138 | 4.60 |
| | Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s) | 15 | 6 | 5 | 3 | 1 | 121 | 4.03 |
| | Di chuyển tiến lùi nửa sân 10 lần (s) | 12 | 4 | 3 | 6 | 5 | 102 | 3.40 |
| | Di chuyển nhật đôi cầu 6 điểm trên sân 5 vòng (s) | 22 | 4 | 3 | 1 | 0 | 137 | 4.57 |
| | Phát cầu ngắn vào ô 30x30cm 20 lần (số lần vào ô) | 18 | 6 | 4 | 2 | 0 | 130 | 4.33 |
| | Đập cầu vào ô 30x30cm 20 lần (số lần vào ô) | 19 | 4 | 5 | 2 | 0 | 130 | 4.33 |
| | Lên lưới bỏ nhỏ kết hợp lùi sau 3m đập cầu 10 lần (s) | 21 | 7 | 2 | 0 | 0 | 139 | 4.63 |
| Tấn công 2 góc cuối sân 10 lần (s) | 12 | 4 | 3 | 6 | 5 | 102 | 3.40 | |

Nội dung thực nghiệm: Ứng dụng mô hình câu lạc bộ Cầu lông đã xây dựng trong Trường Đại học Lâm nghiệp và đánh giá hiệu quả.

Công tác kiểm tra, đánh giá: Được tiến hành tại hai thời

điểm trước thực nghiệm và sau thực nghiệm.

2.2.2 Kết quả thực nghiệm

Kết quả đánh giá mức độ phát triển phong trào tập luyện Cầu lông tại các trường

Tiến hành đánh giá hiệu quả

mức độ phát triển phong trào tập luyện Cầu lông tại Trường Đại học Lâm nghiệp thông qua 5 tiêu chí đã lựa chọn đồng thời so sánh nhịp tăng trưởng các chỉ số. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

BẢNG 2. THỐNG KÊ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO TẬP LUYỆN CẦU LÔNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

| TT | NỘI DUNG | TRƯỚC THỰC NGHIỆM | SAU THỰC NGHIỆM | NHỊP TĂNG TRƯỞNG W% |
|----|---|-------------------|-----------------|---------------------|
| 1 | Số lượng thành viên trong các câu lạc bộ | 286 | 644 | 76.99 |
| 2 | Số giải thi đấu giao hữu được tổ chức trong năm | 18 | 32 | 56.00 |
| 3 | Số lượng VĐV tham gia các giải giao hữu trong năm | 96 | 170 | 55.64 |
| 4 | Số lượng các giải Cầu lông chính thức đã tham gia trong năm | 10 | 18 | 57.14 |
| 5 | Số lượng VĐV tham gia các giải chính thức trong năm | 54 | 102 | 61.54 |

BẢNG 3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN VÀ HUẤN LUYỆN VIÊN, HƯỚNG DẪN VIÊN KHI THAM GIA CẦU LẠC BỘ CẦU LÔNG NGOẠI KHÓA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP (n=103)

| TT | TIÊU CHÍ | TRƯỚC THỰC NGHIỆM | | | | SAU THỰC NGHIỆM | | | |
|----|--|-------------------|---------|--|---------|-----------------|---------|--|---------|
| | | SV (n=92) | | Huấn luyện viên, hướng dẫn viên (n=11) | | SV (n=92) | | Huấn luyện viên, hướng dẫn viên (n=11) | |
| | | Tổng điểm | Điểm TB | Tổng điểm | Điểm TB | Tổng điểm | Điểm TB | Tổng điểm | Điểm TB |
| 1 | Nhận xét chung về hoạt động câu lạc bộ Cầu lông tại Trường | 279 | 3.03 | 35 | 3.18 | 365 | 3.97 | 44 | 4.00 |
| 2 | Mức độ đáp ứng nhu cầu được vận động, vui chơi lành mạnh, phát triển thể chất | 301 | 3.27 | 34 | 3.09 | 349 | 3.79 | 41 | 3.73 |
| 3 | Thuận tiện cho cán bộ, giáo viên và SV tham gia tập luyện | 285 | 3.09 | 33 | 3.00 | 403 | 4.38 | 39 | 3.55 |
| 4 | Chương trình tập luyện phù hợp với đối tượng người tập | 305 | 3.31 | 36 | 3.27 | 397 | 4.32 | 42 | 3.82 |
| 5 | Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện đảm bảo nhu cầu | 293 | 3.18 | 34 | 3.09 | 338 | 3.67 | 41 | 3.73 |
| 6 | Thành viên câu lạc bộ có quyền lợi và nghĩa vụ rõ ràng, minh bạch, phù hợp | 296 | 3.21 | 32 | 2.91 | 337 | 3.66 | 39 | 3.55 |
| 7 | Mô hình hoạt động giúp thành viên câu lạc bộ giao lưu tốt với nhau và với các Câu lạc bộ khác | 275 | 2.99 | 35 | 3.18 | 328 | 3.57 | 43 | 3.91 |
| 8 | Đáp ứng nhu cầu hoạt động tập thể của thành viên câu lạc bộ | 298 | 3.24 | 29 | 2.64 | 339 | 3.68 | 46 | 4.18 |
| 9 | Sinh viên nhận được sự tôn trọng của Huấn luyện viên, hướng dẫn viên và các thành viên khác trong câu lạc bộ | 302 | 3.28 | 40 | 3.64 | 398 | 4.33 | 49 | 4.45 |
| 10 | Giúp phát hiện và bồi dưỡng thành viên có năng khiếu. | 277 | 3.01 | 33 | 3.00 | 393 | 4.27 | 49 | 4.45 |

Qua bảng 2 cho thấy: Sau 1 năm thực nghiệm ứng dụng mô hình câu lạc bộ Cầu lông đã xây dựng trong Trường Đại

học Lâm nghiệp, tất cả các tiêu chí đánh giá đều có xu hướng tăng mạnh, mức tăng từ 55.64 tới 76.99%, mức tăng cao nhất

đạt được ở tiêu chí số lượng thành viên tham gia câu lạc bộ (76.99%), chứng tỏ mô hình hoạt động câu lạc bộ Cầu lông

**BẢNG 4. SO SÁNH SỰ KHÁC BIỆT TRÌNH ĐỘ THỂ LỰC CỦA ĐỐI TƯỢNG THỰC NGHIỆM SAU MỘT NĂM THỰC NGHIỆM (n=92)**

| TT | NỘI DUNG KIỂM TRA | TRƯỚC TN ($\bar{x} \pm \sigma$) | SAU TN ($\bar{x} \pm \sigma$) | W% | t | P |
|----------------------|-----------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|-------|------|-------|
| Nam SV (n=51) | | | | | | |
| 1 | Nằm ngựa gập bụng (lần/30s) | 21.14 ± 1.72 | 23.22 ± 1.69 | 9.38 | 2.41 | <0.05 |
| 2 | Bật xa tại chỗ (cm) | 219.22 ± 17.44 | 231.25 ± 18.46 | 5.34 | 2.38 | <0.05 |
| 3 | Chạy 30m XPC (s) | 5.32 ± 0.24 | 5.07 ± 0.23 | 4.81 | 2.35 | <0.05 |
| 4 | Chạy tùy sức 5 phút (m) | 993.86 ± 45.71 | 1135.31 ± 51.91 | 13.29 | 2.44 | <0.05 |
| Nữ SV (n=41) | | | | | | |
| 1 | Nằm ngựa gập bụng (lần/30s) | 18.46 ± 2.26 | 20.12 ± 1.98 | 8.61 | 2.51 | <0.05 |
| 2 | Bật xa tại chỗ (cm) | 166.37 ± 12.86 | 175.27 ± 13.41 | 5.21 | 3.43 | <0.05 |
| 3 | Chạy 30m XFC (s) | 6.17 ± 0.29 | 5.89 ± 0.28 | 4.64 | 2.37 | <0.05 |
| 4 | Chạy tùy sức 5 phút (m) | 916.83 ± 47.59 | 989.17 ± 51.44 | 7.59 | 2.39 | <0.05 |

đã xây dựng có tác dụng tốt trong việc phát triển phong trào tập luyện Cầu lông trong các nhà trường.

Mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của mô hình đã xây dựng

Đánh giá hiệu quả đáp ứng nhu cầu xã hội của mô hình hoạt động câu lạc bộ Cầu lông thông qua khảo sát 92 thành viên câu lạc bộ Cầu lông thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp, 11 giảng viên, Huấn luyện viên và hướng dẫn viên tại câu lạc bộ bằng phiếu hỏi. Khảo sát được tiến hành theo thang độ Likert 5 mức tương ứng. Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của mô hình hoạt động câu lạc bộ Cầu lông cho SV Trường Đại học Lâm nghiệp theo đánh giá của SV và các giáo viên, huấn luyện viên là hài lòng hơn so với mô hình cũ thường được sử dụng tại các trường. Cụ thể như sau:

- Ở thời điểm trước thực nghiệm, nếu như ý kiến đánh giá chung của cả SV và huấn luyện viên, hướng dẫn viên về hoạt động câu lạc bộ Cầu lông

tại Trường Đại học Lâm nghiệp mới chỉ ở mức trung bình (với 3.03 điểm đối với SV và 3.18 điểm đối với Huấn luyện viên, hướng dẫn viên) thì sau thực nghiệm ở mức trung bình (với 3.97 điểm đối với SV và 4.00 điểm đối với Huấn luyện viên, hướng dẫn viên). Các yếu tố đánh giá từng mặt, ngoại trừ tiêu chí SV nhận được sự tôn trọng của huấn luyện viên, hướng dẫn viên và các thành viên khác trong câu lạc bộ được các Huấn luyện viên, hướng dẫn viên đánh giá ở mức độ hài lòng, các tiêu chí khác mới chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình ở cả đối tượng SV và huấn luyện viên, hướng dẫn viên. Như vậy, có thể kết luận, ở thời điểm trước thực nghiệm, hoạt động câu lạc bộ cầu lông Trường Đại học Lâm nghiệp chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình.

- Sau một năm thực nghiệm áp dụng các mô hình câu lạc bộ Cầu lông đã xây dựng cho SV Trường Đại học Lâm nghiệp, tiếp tục phỏng vấn cùng đối tượng đã phỏng vấn ở lần khảo

sát thời điểm trước thực nghiệm về hoạt động câu lạc bộ Cầu lông tại trường. Kết quả cho thấy, ở thời điểm này, đánh giá của SV và huấn luyện viên, hướng dẫn viên đã có sự thay đổi rất đáng kể. Nhận xét chung về hoạt động câu lạc bộ Cầu lông tại trường đã ở mức hài lòng ở cả đối tượng SV và Huấn luyện viên, hướng dẫn viên. Đánh giá các tiêu chí thành phần chủ yếu ở mức độ hài lòng, một số tiêu chí được cả SV và huấn luyện viên, hướng dẫn viên đánh giá ở mức rất hài lòng như SV nhận được sự tôn trọng của Huấn luyện viên, hướng dẫn viên và các thành viên khác trong câu lạc bộ và giúp phát hiện và bồi dưỡng thành viên có năng khiếu.

Như vậy, có thể thấy, sau một năm ứng dụng mô hình đã xây dựng, SV và huấn luyện viên, hướng dẫn viên đã hài lòng hơn khi tham gia tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông.

Đánh giá mức độ phát triển thể lực của sinh viên

Để đánh giá phát triển thể lực của SV sau một năm ứng dụng

BẢNG 5. SO SÁNH KẾT QUẢ PHÂN LOẠI TRÌNH ĐỘ THỂ LỰC CỦA ĐỐI TƯỢNG THỰC NGHIỆM THỜI ĐIỂM TRƯỚC VÀ SAU THỰC NGHIỆM (n=92)

| ĐỐI TƯỢNG | PHÂN LOẠI | THỜI ĐIỂM TRƯỚC THỰC NGHIỆM | | THỜI ĐIỂM SAU THỰC NGHIỆM | | SO SÁNH | |
|------------|-----------|-----------------------------|-------|---------------------------|-------|-------------|-------|
| | | m ₁ | % | m ₁ | % | \bar{x}^2 | P |
| Nam (n=51) | Tốt | 16 | 31.37 | 24 | 47.06 | 7.67 | <0.05 |
| | Đạt | 29 | 56.86 | 27 | 52.94 | | |
| | Không đạt | 6 | 11.76 | 0 | 0.00 | | |
| Nữ (n=41) | Tốt | 13 | 31.71 | 18 | 43.90 | 6.83 | <0.05 |
| | Đạt | 22 | 53.66 | 23 | 56.10 | | |
| | Không đạt | 6 | 14.63 | 0 | 0.00 | | |

BẢNG 6. SO SÁNH TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA ĐỐI TƯỢNG THỰC NGHIỆM THỜI ĐIỂM TRƯỚC VÀ SAU THỰC NGHIỆM (n=92)

| TT | NỘI DUNG KIỂM TRA | TRƯỚC TN ($\bar{x} \pm \sigma$) | SAU TN ($\bar{x} \pm \sigma$) | W% | t | P |
|----------------------|---|--------------------------------------|------------------------------------|-------|------|-------|
| Nam SV (n=51) | | | | | | |
| 1 | Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s) | 15.11 ± 1.53 | 14.12 ± 1.43 | 6.77 | 2.42 | <0.05 |
| 2 | Di chuyển tiến lùi nửa sân 10 lần (s) | 19.36 ± 0.92 | 17.21 ± 0.82 | 11.76 | 2.36 | <0.05 |
| 3 | Di chuyển nhật đối cầu 6 điểm trên sân 5 vòng (s) | 65.43 ± 2.93 | 62.23 ± 2.79 | 5.01 | 2.47 | <0.05 |
| 4 | Phát cầu ngắn vào ô 30x30cm 20 lần (số lần vào ô) | 11.53 ± 1.35 | 12.80 ± 1.71 | 10.44 | 2.42 | <0.05 |
| 5 | Đạp cầu vào ô 30x30cm 20 lần (số lần vào ô) | 10.55 ± 1.15 | 11.55 ± 1.15 | 9.05 | 2.33 | <0.05 |
| 6 | Lên lưới bỏ nhỏ kết hợp lùi sau 3m đạp cầu 10 lần (s) | 25.21 ± 2.24 | 23.29 ± 2.07 | 7.92 | 2.48 | <0.05 |
| Nữ SV (n=41) | | | | | | |
| 1 | Di chuyển ngang sân đơn 10 lần (s) | 17.45 ± 1.81 | 16.13 ± 1.67 | 7.86 | 2.42 | <0.05 |
| 2 | Di chuyển tiến lùi nửa sân 10 lần (s) | 20.67 ± 1.00 | 18.39 ± 0.89 | 11.67 | 2.36 | <0.05 |
| 3 | Di chuyển nhật đối cầu 6 điểm trên sân 5 vòng (s) | 68.58 ± 3.31 | 64.41 ± 3.11 | 6.27 | 2.34 | <0.05 |
| 4 | Phát cầu ngắn vào ô 30x30cm 20 lần (số lần vào ô) | 11.24 ± 1.50 | 12.29 ± 1.60 | 8.92 | 2.41 | <0.05 |
| 5 | Đạp cầu vào ô 30x30cm 20 lần (số lần vào ô) | 10.34 ± 0.91 | 11.34 ± 0.91 | 9.23 | 2.39 | <0.05 |
| 6 | Lên lưới bỏ nhỏ kết hợp lùi sau 3m đạp cầu 10 lần (s) | 29.13 ± 2.64 | 27.23 ± 2.47 | 6.74 | 2.25 | <0.05 |

mô hình câu lạc bộ Cầu lông đã xây dựng, tiến hành kiểm tra và so sánh sự phát triển thể lực của SV cũng như tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn phân loại thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thời điểm trước và sau thực nghiệm. Kết quả được trình bày tại bảng 4 và bảng 5.

Qua bảng 4 cho thấy: Sau một năm thực nghiệm, ở tất cả các test kiểm tra, nhịp tăng trưởng thể lực của SV đều đạt tỷ lệ rất cao (từ 4.81 tới 13.29%) ở cả đối tượng nam và nữ, mức tăng trưởng bình quân của SV nam cao hơn SV nữ. Đồng thời, khi

so sánh sự khác biệt trình độ thể lực của SV ở thời điểm trước và sau thực nghiệm bằng t tự đối chiếu cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng P<0.05. Như vậy, có thể khẳng định, mô hình Câu lạc bộ Cầu lông đã xây dựng đã có hiệu quả rất cao trong việc phát triển thể lực cho SV nhóm đối tượng thực nghiệm.

Song song với việc so sánh sự khác biệt kết quả kiểm tra trình độ thể lực của nhóm đối tượng thực nghiệm, nghiên cứu tiến hành so sánh sự khác biệt tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn xếp loại thể

lực của SV theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả được trình bày tại bảng 5

Qua bảng 5 cho thấy: Khi so sánh tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn phân loại trình độ thể lực của đối tượng thực nghiệm thời điểm trước và sau thực nghiệm bằng tham số cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở cả đối tượng nam và nữ SV (P<0.05). Như vậy, có thể khẳng định sau một năm thực nghiệm ứng dụng mô hình đã xây dựng, trình độ thể lực của nhóm SV tham gia thực nghiệm đã tốt hơn hẳn so với thời điểm



trước thực nghiệm. Như vậy, mô hình đã xây dựng có hiệu quả cao trong việc phát triển thể lực của SV.

Đánh giá trình độ chuyên môn của đối tượng thực nghiệm

Song song với việc khảo sát mức độ phát triển phong trào tập luyện Cầu lông tại Câu lạc bộ Trường Đại học Lâm nghiệp cũng như đánh giá thực trạng trình độ thể lực của SV, nghiên cứu tiến hành kiểm tra trình độ chuyên môn của đối tượng thực nghiệm ở thời điểm trước và sau thực nghiệm bằng 6 test đã lựa chọn. Kết quả kiểm tra được trình bày tại bảng 6.

Qua bảng 6 cho thấy: Sau một năm thực nghiệm, trình độ chuyên môn của đối tượng thực nghiệm đã tăng trưởng từ 5.01

đến 11.76% ở cả đối tượng nam và nữ trên tất cả các test kiểm tra. Khi so sánh sự khác biệt kết quả kiểm tra trình độ chuyên môn của SV bằng t tự đối chiếu đã cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $P < 0.05$ ở tất cả các test kiểm tra và trên cả đối tượng nam và nữ.

3. KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu lựa chọn được 17 tiêu chí đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình câu lạc bộ cầu lông Trường Đại học Lâm nghiệp thông qua các cấp quản lý. Bước đầu ứng dụng các mô hình đã lựa chọn trong thực tế và đánh giá hiệu quả trên các mặt: Mức độ phát triển phong trào tập luyện Cầu lông và mức độ hài lòng của các đối tượng về

mô hình câu lạc bộ Cầu lông đã xây dựng. Kết quả cho thấy sau một năm học ứng dụng mô hình đã xây dựng vào phong trào tập luyện Cầu lông Trường Đại học Lâm nghiệp phát triển mạnh mẽ; SV và Huấn luyện viên, hướng dẫn viên rất hài lòng khi tham gia hoạt động ngoại khóa môn Cầu lông dưới hình thức Câu lạc bộ. Như vậy, các mô hình đã xây dựng đã có hiệu quả cao trong việc phát triển phong trào tập luyện Cầu lông Trường Đại học Lâm nghiệp cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội trong hoạt động ngoại khóa môn Cầu lông. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 05/10/2024;
ngày phản biện đánh giá: 17/11/2024;
ngày chấp nhận đăng: 11/12/2024)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2008 về việc ban hành Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên.
2. Dương Nghiệp Chí (2004), *Đo lường thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, Hà Nội.
3. Trần Kim Cương (2009), *Nghiên cứu giải pháp phát triển các loại hình câu lạc bộ Thể dục thể thao cơ sở trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh Ninh Bình*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học Thể dục thể thao.
4. Hoàng Công Dân (2005), *Nghiên cứu phát triển thể chất cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực miền núi phía Bắc từ 15 – 17 tuổi*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học Thể dục thể thao.
5. Nguyễn Găng (2000), *Nghiên cứu xây dựng mô hình câu lạc bộ Thể dục thể thao trong các trường Đại học và chuyên nghiệp Thành phố Huế*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.
6. Nguyễn Găng (2015), *Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết thể dục thể thao giữa Đại học Huế và các tổ chức thể dục, thể thao trên địa bàn Thành phố Huế*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Thể dục thể thao.